TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 3- 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh T
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thu H
2. Bà Đỗ Thị Vân A

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ph - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hải Y, sinh năm 2000

- Bị đơn: Anh Võ Đức G, sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: Tổ 21, khu 8, phường Th, thành phố T, tỉnh T. (Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/10/2022, nguyên đơn chị Bùi Thị Hải Y trình bày: Chị và anh Võ Đức G đăng ký kết hôn ngày 05/9/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố T, tỉnh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Đức G.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Võ Gia Th, sinh ngày 25/10/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và chị không yêu cầu anh Võ Đức G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Đức G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn

bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Giấy báo và các văn bản tố tụng cho anh Võ Đức G nhưng anh G từ chối nhận. Thông qua số điện thoại cá nhân của anh G do chị Bùi Thị Hải Y cung cấp theo đơn khởi kiện, Tòa án đã liên lạc cho anh G qua số điện thoại, anh G có nghe máy nhưng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Võ Đức G tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T; nhà văn hóa khu 08, phường Th và trụ sở Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố T, tỉnh T theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 07/02/2023, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Võ Đức G và được đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị Bùi Thị Hải Y và anh Võ Đức G là vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố T, tỉnh T, sau khi kết hôn hai vợ chồng đều sinh sống và cư trú tại tổ 21, khu 8, phường Th, thành phố T, tỉnh T. Quá trình sinh sống vợ chồng có mâu thuẫn, không còn quan tâm thương yêu nhau. Quan điểm của chính quyền địa phương, hiện tại giữa chị Y và anh G mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có đơn từ chối công khai chứng cứ và từ chối hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hải Y. Xử cho chị Bùi Thị Hải Y được ly hôn anh Võ Đức G.

- Về con chung: Giao con chung là Võ Gia Th, sinh ngày 25/10/2018 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Hải Y và bị đơn anh Võ Đức G. Anh G có địa chỉ trú tại: Tổ 21, khu 8, phường Th, thành phố T, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn chị Bùi Thị Hải Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

- Đối với bị đơn anh Võ Đức G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh G.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Hải Y và anh Võ Đức G là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như chị Y trình bày thì vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và cách nuôi dạy con, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của anh G nhưng qua việc xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh G trư trú thì được chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị Y, anh G trong quá trình chung sống có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng không còn quan tâm thương yêu nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh G rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y đối với anh G là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng chị Y và anh G có 01 con chung là Võ Gia Th, sinh ngày 25/10/2018. Quá trình giải quyết vụ án, anh G không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh G về con chung nhưng chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Võ Gia Th, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dương nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Y không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị Y trình bày không có nhưng do anh G vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị Y và anh G nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hải Y. Xử cho chị Bùi Thị Hải Y được ly hôn anh Võ Đức G.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Gia Th, sinh ngày 25/10/2018 cho chị Bùi Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Võ Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y. Chị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Y xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Y đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009966 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T.

5. Chị Y, anh G vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *VKSND TP. T, T. T;*
- *Chi cục THADS TP. T, T. T;*
- *UBND P. Th, TP. T, T. T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh T